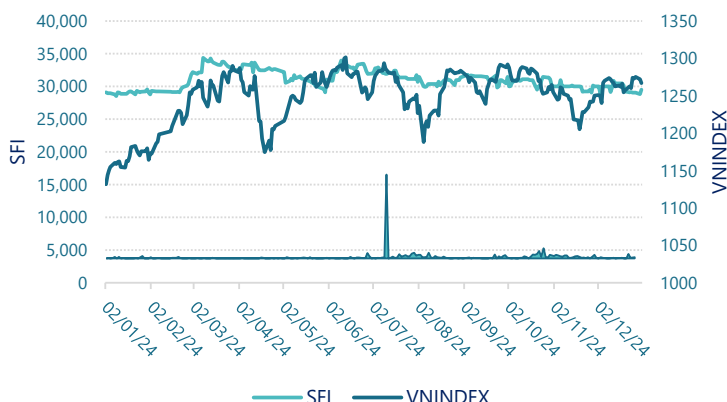


CTCP Đại lý Vận tải SAFI (HSX: SFI)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	30,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	34,377
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	28,525
SL cổ phiếu LH	23,157,034
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,600
% sở hữu nước ngoài	10.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	706
P/E	9.0
EPS	3,391

DT thuần

Q4/24

319

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 34.0 | 11.9%

YoY: ▲ 49.0 | 18.1%

LN sau thuế

Q4/24

25.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 11.7 | 83.2%

YoY: ▲ 7.10 | 38.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

8.8%

+/- YoY: ▼ 3.8%

DT thuần

2024

1,088

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 70.0 | 6.9%

LN sau thuế

2024

78.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 24.6 | -24.0%

ROE

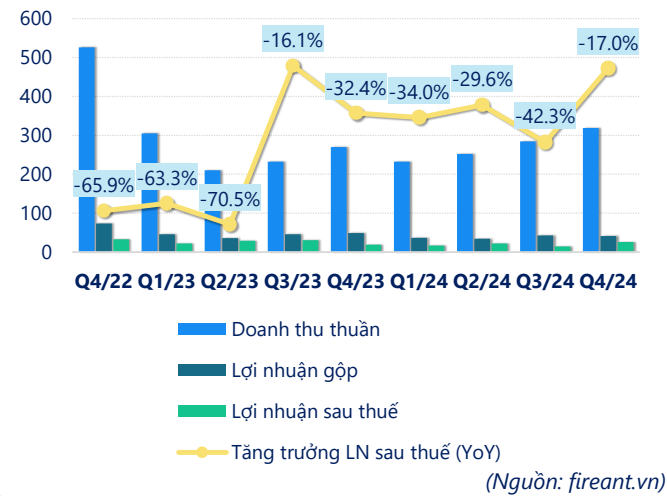
2024

10.5%

+/- YoY: ▼ 2.2%

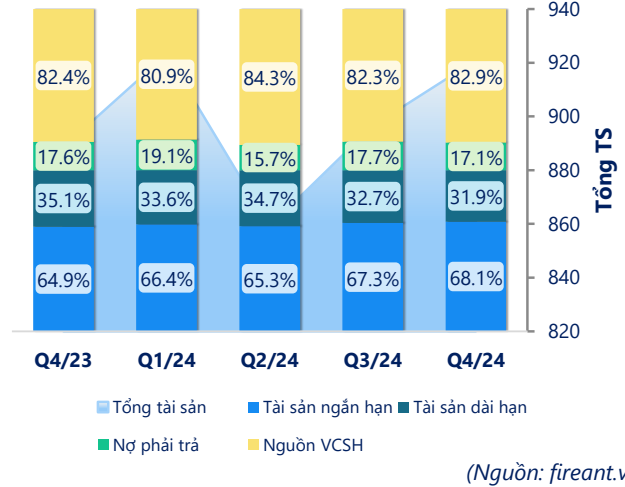
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

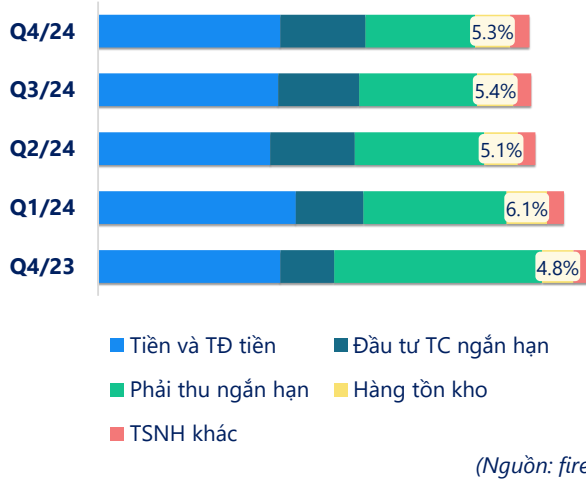


Cơ cấu Tổng tài sản

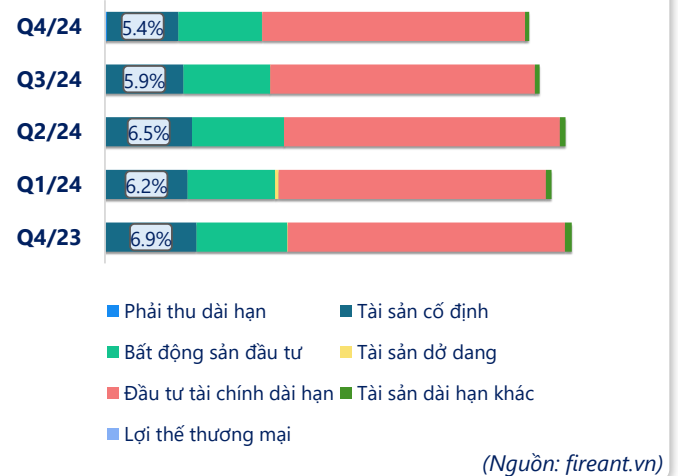
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

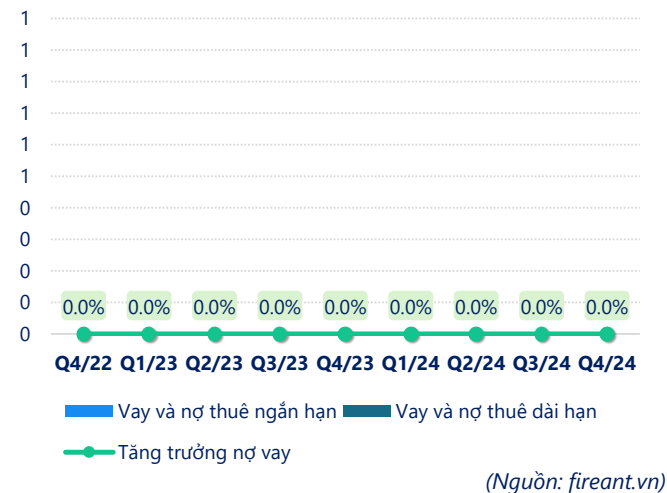


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



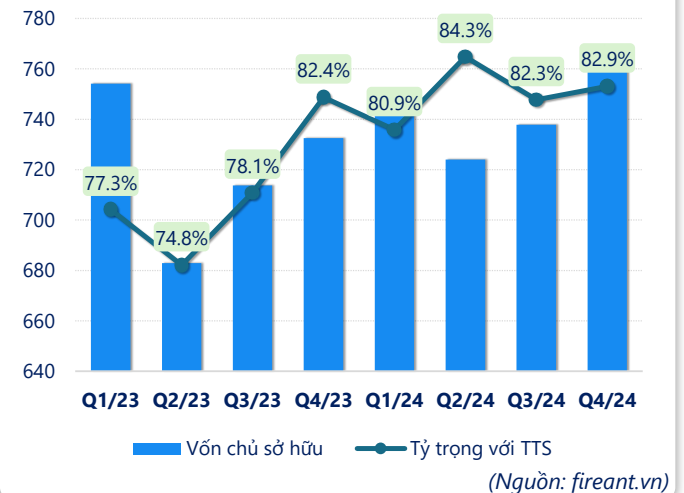
tỷ VNĐ

Nợ vay

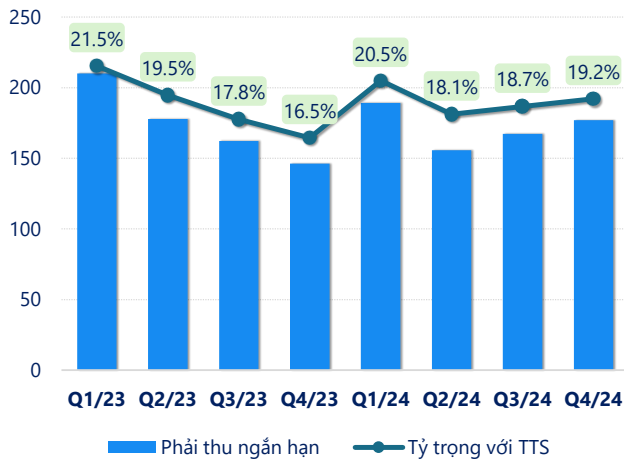


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

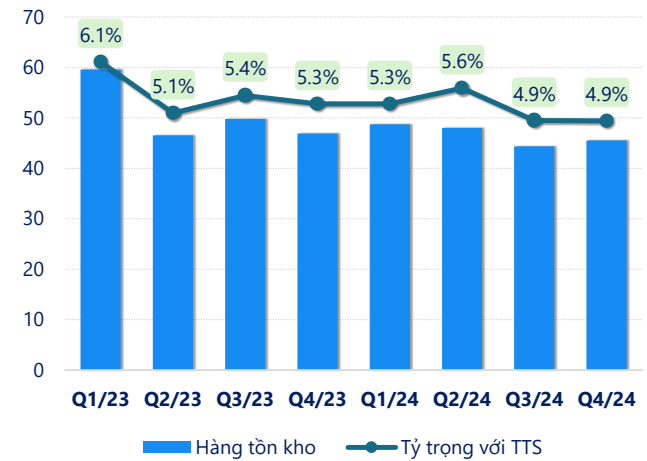


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


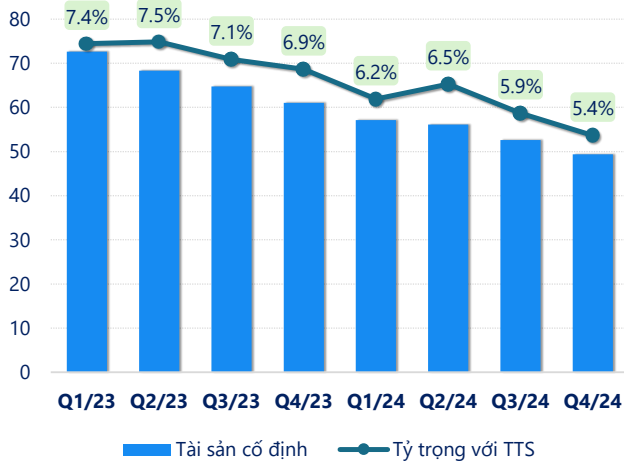
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


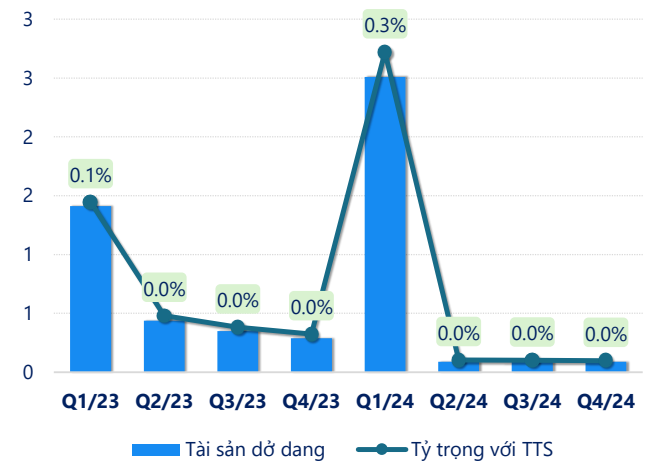
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

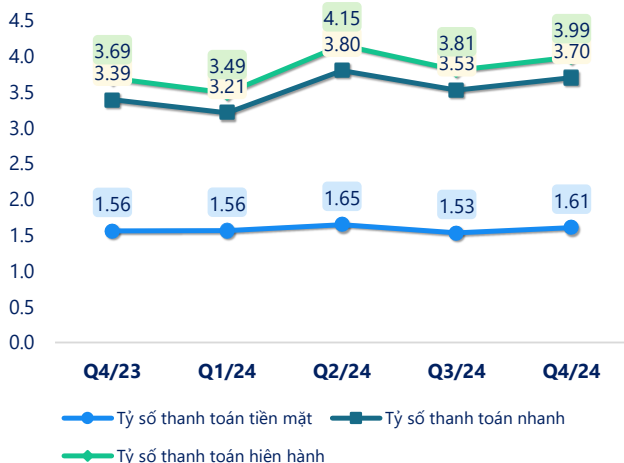
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	889	923	859	896	921
Tài sản ngắn hạn	577	613	561	603	627
Tiền và tương đương tiền	244	275	222	243	252
Đầu tư tài chính ngắn hạn	114	73.7	107	121	124
Phải thu ngắn hạn	146	189	156	167	177
Hàng tồn kho	46.9	48.7	48.0	44.3	45.5
Tài sản ngắn hạn khác	25.9	26.4	28.5	28.2	28.5
Tài sản dài hạn	312	310	298	293	294
Phải thu dài hạn	0.25	0.25	0.25	0.25	1.46
Tài sản cố định	61.0	57.1	56.1	52.6	49.4
Bất động sản đầu tư	60.7	60.7	59.3	58.6	57.9
Tài sản dở dang	0.29	2.51	0.09	0.09	0.09
Đầu tư tài chính dài hạn	185	186	178	178	182
Tài sản dài hạn khác	4.57	4.09	3.67	3.30	2.95
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	156	176	135	159	157
Nợ ngắn hạn	156	176	135	159	157
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	124	119	113	138	136
Nợ dài hạn	0.09	0.09	0.09	0.09	0.09
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	732	747	724	738	764
Vốn chủ sở hữu	732	747	724	738	764
Vốn điều lệ	238	238	249	249	249
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)